

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HYTEK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HYTEK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HYTEK COMMERCIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108082865

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 62/215 Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01253793800

Fax:

Email: [hytekco.co@gmail.com](mailto:hytekco.co@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                     | 4631     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                       | 3312     |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                     | 4220     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                              | 4511     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các loại hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm)                                                                                                                                            | 4669     |
| 6.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4730     |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                         | 7020     |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310     |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                         | 7410     |
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                             | 7730     |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                              | 6619     |
| 13. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                                                                                                                  | 3530     |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                            | 4100     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742        |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4752        |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                    | 6820        |
| 21. | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9529        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651(Chính) |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 24. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4620        |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633        |
| 26. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4634        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 30. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8020        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>- Dịch vụ logistics (không bao gồm hoạt động bưu chính và hoạt động vận tải hàng không)                                                                                                                   | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng, cụ thể:<br>+ Dây dẫn và thiết bị điện,<br>+ Đường dây thông tin liên lạc,<br>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>+ Đèn vệ tinh,<br>+ Hệ thống chiếu sáng,<br>+ Chuông báo cháy,<br>+ Hệ thống báo động chống trộm                                                                                            | 4321 |
| 33. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;<br>- Bán buôn thiết bị bảo hộ lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 35. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4661 |
| 36. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632 |
| 37. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 38. | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811 |
| 39. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812 |
| 40. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2011 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3319 |
| 42. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4210 |
| 43. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312 |
| 44. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ bốc xếp hàng hoá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường | 4659 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG    | Thôn An Tiêm, Xã Thụy Dân, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                   | 950.000.000           | 50,000    | 151831646                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THANH VÂN | Số 725 đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | 950.000.000           | 50,000    | 091007229                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091007229

Ngày cấp: 06/02/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 725 đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: T9- 0803 Times City, Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội